TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự Do-Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT
Ngày: 22-01-2018.
V/v: Tranh chấp quyền lối đi qua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 , tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 tranh chấp quyền về lối đi qua.

Do bản án dân sơ thẩm số: 66/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn:

Bà Trương Thị T,

Bà Trương Thị Thu H.

Cùng trú tại:, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bà Trương Thị T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H (văn bản ủy quyền ngày 22/4/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn bà Trương Thị T: Luật sư Trần Bá L- Văn phòng Luật sư Trần Bá L - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

Bà Trương Thị E,

Bà Trương Thị X,

Bà Trương Thị Đ,

Ông Trương Văn Đ.

Cùng trú tại: , phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt)

Ông Trương Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà E, bà X, bà Đ– Văn bản ủy quyền ngày 09/11/2016.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà H, bà T trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 30/6/2014 nguyên đơn bà H và bà T có nhận chuyển nhượng phần đất với diện tích 104,6m^2 của ông Lê Văn N tại thửa số 285 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03010 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 12/12/2002. Vì phần đất của nguyên đơn ở phía trong nên trước đây từ năm 1995, gia đình nguyên đơn bà T có sử dụng lối đi với diện tích ngang 0,8m dài khoảng15m trên phần đất bị đơn bà Trương Thị X đứng tên, lối đi này trước đây là của ông bà để lại, khi làm hồ sơ cấp giấy đất ông Đ đã làm trùm lên phần lối đi này và năm 2016 khi ông Đ (là em ruột bà X) xây nhà đã xây lên lối đi này nên bà yêu cầu gia đình các bị đơn phải khôi phục lại lối đi như ban đầu.

Trong quá trình làm việc và tại phiên toà bị đơn trình bày và yêu cầu:

Trước yêu cầu của các nguyên đơn thì các bị đơn không đồng ý với lý do, phần lối đi nguyên đơn yêu cầu nằm trên phần đất bị đơn ông Đ được công nhận hợp pháp, ông Đ cho rằng, lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở là lối đi trước đây ông để cho bà Trương Thị T (là cô ruột của ông Đ) đi nhờ vì phần đất tại thửa 285 là thuộc quyền sử dụng của bà T, sau đó bà T chuyển nhượng cho ông Nh và ông Nh đã chuyển nhượng cho bà H và bà T. Gia đình ông chỉ cho bà T1 đi nhờ và trước đây, nguyên đơn bà T cũng có quyền sử dụng đất (phần đất này đã bán cho ông Đặng Văn H năm 2000) và ra phía sau ở trên thửa đã nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Nh và đã đi nhờ lối đi của gia đình ông, ông cũng không có ý kiến, nay bà T không còn đi nên ông cất nhà sử dụng, đồng thời ngoài lối đi này, bà T còn lối đi ra lộ công cộng rộng hơn khoảng 2m và bà T hiện nay đang sử dụng.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận C đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu buộc các bị đơn khôi phục lối đi với diện tích ngang 0,8m, dài 15m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017 nguyên đơn bà Trương Thị T kháng cáo án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Trương Văn Đ khôi phục lại lối đi cho bà với chiều ngang 0,8m và chiều dài 15m để gia đình bà có lối đi đến đường công cộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Phần lối đi tranh chấp qua thể hiện trong hồ sơ và tại phiên toà phía bị đơn vẫn thừa nhận lối đi đã được hình thành sử dụng từ những năm 1970, nhưng phía bị đơn bít lối đi, cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn tháo dỡ phần diện tích xây dựng nhà trên lối đi trả lại hiện trạng ban đầu.

Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức.

- Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà Trương Thị T cho rằng lối đi này trước đây là của ông bà để lại, khi làm hồ sơ cấp giấy đất ông Đ đã làm trùm lên phần lối đi này và năm 2016 khi ông Đ (là em ruột bà X) xây nhà, đã xây lên lối đi nên bà yêu cầu gia đình các bị đơn phải khôi phục lại lối đi như ban đầu. Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe các bên tranh luận và quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

Xét về quan hệ và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền về lối đi qua và thuộc thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS.

[2]- Xét về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Trương Thị T và bà Trương Thị Thu H cho rằng lối đi này trước đây là của ông bà để lại, khi làm hồ sơ cấp giấy đất ông Đ đã làm trùm lên phần lối đi và năm 2016 khi ông Đ (là em ruột bà X) xây nhà, đã xây lên lối này nên bà yêu cầu gia đình các bị đơn phải khôi phục lại lối đi như ban đầu.

Đối với các bị đơn cho rằng không lấn chiếm đất của các nguyên đơn, phần lối đi nguyên đơn yêu cầu nằm trên phần đất bị đơn ông Đ được công nhận hợp pháp, nên không đồng ý trả đất như yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài lối đi này, bà T hiện còn lối đi ra lộ công cộng rộng gần 2m so với lối đi trước đây và bà T hiện đang sử dụng.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu ông Đ khôi phục lại lối đi chiều ngang 0,8m và chiều dài 15m để gia đình bà có lối đi đến đường công cộng.

Xét về diện tích phần đất đang tranh chấp:

Bị đơn ông Đ đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất số vào sổ là 00478 ngày 04/7/2016 diện tích 126.8m^2, mục đích sử dụng T, đo đạc thực tế là 104,4m^2 bao gồm tính diện tích tranh chấp, thiếu so với diện tích được cấp là 22,4m^2. Còn đất của nguyên đơn thuộc thửa 285 diện tích 104,6m^2. Theo giấy chứng nhận số 03010 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 12/12/2002 với diện tích 104,6m^2, diện tích đo đạc thực tế là 124,9m^2 chưa tính diện tích tranh chấp là đã dư 20,3m^2. Qua kết quả đo đạc thực tế thì đất của nguyên đơn dư và bị đơn đều thiếu so với diện tích được cấp. Mặt khác, lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là nằm trên phần đất của ông Trương văn Đ, nguyên đơn cho rằng lối đi đã có từ năm 1960 và đã sử dụng từ năm 1995 do ông bà để lại, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Ngoài ra qua thể hiện trong hồ sơ phía các nguyên đơn thừa nhận ngoài lối đi yêu cầu phía bị đơn mở thì các nguyên đơn hiện đang sử dụng một lối đi khác để đi ra lộ công cộng. Theo biên bản xác minh ngày 01/9/2017 thì phần lối đi các nguyên đơn đang sử dụng có chiều ngang là 1,2m; dài 9,3m đi qua phần đất của bà Nh là mẹ ruột của nguyên đơn bà T, trong khi lối đi cũ mà các nguyên đơn yêu cầu mở chỉ có chiều ngang 0,8m; chiều dài 15m và hiện nay phần lối đi phía ông Đ đã xây dựng xong nhà kiên cố.

Từ những cơ sở như đã nêu trên, kết hợp hiện trạng đất các bên đang sử dụng, hình thể đất, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T kháng cáo nhưng không xuất trình

được tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi sự việc. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất theo quan điểm đề nghị về hướng giải quyết của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu buộc các bị đơn khôi phục lối đi với diện tích ngang 0,8m, dài 15m.

2/ Về chi phí định giá: Các nguyên đơn phải chịu chi phí định giá 2.000.000 đồng(đã nộp xong).

3/ Về án phí:

3.1/ Về án phí sơ thẩm: Các nguyên đơn bà H và bà T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007689 ngày 05/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận C.

3.1/ Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 009492 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND.TP. Cần Thơ;
-TAND Q. C;
- Chi cục THADS Q. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.